

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

HỒ SƠ

**Trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh
Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và
hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục
thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Tài liệu gồm:

1. Tờ trình của UBND tỉnh
2. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh
3. Bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan trước phiên họp UBND tỉnh
4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp
5. Báo cáo giải trình và tiếp thu của Sở GD&ĐT
6. Thông báo kết luận phiên họp của UBND tỉnh
7. Bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết sau phiên họp của UBND tỉnh tháng 5.
8. Báo cáo hoàn thiện nghị quyết của Sở Tư pháp
9. Báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh
10. Báo cáo Thẩm tra của Ban VH-XH, HĐND tỉnh
11. Luật Giáo dục năm 2019 (Điều 99)
12. Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND
13. Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND
14. Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND
15. Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND.

Bắc Giang, tháng 7 năm 2020.

Số: 183 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Công văn số 161/HĐND-TH ngày 17/4/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Điều 99, Luật Giáo dục năm 2019 quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

Khoản 1 Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

2. Căn cứ thực tiễn

Học phí trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập đang thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017; các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập thực hiện theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của HĐND tỉnh. Mức thu học phí hiện đã áp dụng được 04 năm, do vậy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, thì thẩm quyền ban hành các khoản thu này thuộc HĐND cấp tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Giáo dục năm 2019; điều chỉnh những bất cập về mức thu học phí; thống nhất các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý tài chính, quản lý khoản thu từ người học trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Quan điểm chỉ đạo

Dự thảo Nghị quyết được soạn thảo trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

a) Nội dung phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật Giáo dục năm 2019 và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đề xuất mức thu học phí cụ thể (không quy định khung); bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các vùng miền; kế thừa mức thu tại các nghị quyết của HĐND tỉnh, có tính đến chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm, tăng mức lương cơ sở và đặc thù của từng cấp học.

c) Đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: Đề xuất mức trần (mức được phép thu tối đa); kế thừa quy định tại các quyết định của UBND tỉnh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định. Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải xin ý kiến trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến theo quy định; xin ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ; UBND các huyện, thành phố, phòng GD&ĐT các huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT. Trên cơ sở ý kiến đóng góp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT chỉnh sửa, hoàn thiện và được Sở Tư pháp thẩm định.

Dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh thảo luận thông qua tại phiên họp tháng 5 năm 2020; được Đảng đoàn HĐND tỉnh thẩm định ngày 22/6/2020; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận cho ý kiến ngày 25/6/2020. UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh sửa, hoàn thiện cho phù hợp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp gồm 3 Điều (*Có dự thảo Nghị quyết kèm theo*).

2. Nội dung cơ bản

2.1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021 (tại Điều 1)

- Thời gian áp dụng: Từ năm học 2020-2021;
- Thu học phí theo địa điểm của cơ sở giáo dục;

- Đề xuất mức thu cụ thể theo vùng (Phường, thị trấn; nông thôn; miền núi):

+ Mức thu học phí của cấp THCS và THPT, GDTX tăng 5.000 đồng/học sinh/tháng (miền núi), 10.000 đồng/học sinh/tháng (vùng còn lại) so với mức thu quy định tại Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của HĐND tỉnh. Cơ sở tính mức học phí, theo chỉ số giá tiêu dùng tăng hằng năm (từ năm 2017 đến 2020).

+ Mức thu học phí bậc mầm non tăng so với mức thu học phí hiện tại (quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh): Phường, thị trấn là 50.000 đồng/học sinh/tháng; nông thôn là 40.000 đồng/học sinh/tháng; miền núi là 30.000 đồng/học sinh/tháng.

Lý do: số giáo viên trong biên chế được giao hằng năm thiếu so với định biên 2.2 giáo viên/lớp, các địa phương thực hiện hợp đồng giáo viên mầm non để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, quá tải học sinh (hiện nay chỉ đạt 1,8 giáo viên/lớp, thiếu 0,4 giáo viên/lớp so với định biên). Với mức lương bình quân giáo viên hệ số 3,0 và các khoản đóng góp (23%), phụ cấp ưu đãi (30%) và bình quân 30 học sinh/lớp thì mức tiền tăng thêm do thiếu biên chế là: 0,4 (giáo viên) x 3,0 x 1.600.000 (đồng) = 2.937.600 (đồng); chia cho 30 học sinh thì mức thu tăng thêm là 97.920 đồng/tháng/học sinh làm tròn 100.000 đồng. Để phù hợp điều kiện thực tế và triển khai có lộ trình, năm học 2020-2021 đề xuất tăng mức học phí bậc học mầm non như trên.

Mức thu cụ thể như sau:

Cấp học	Mức thu học phí theo địa điểm trường (nghìn đồng/học sinh/tháng)					
	Phường, thị trấn		Nông thôn		Xã miền núi	
	Đang áp dụng	Đề xuất	Đang áp dụng	Đề xuất	Đang áp dụng	Đề xuất
Mầm non	130	180	85	125	60	90
Trung học cơ sở	75	85	50	60	35	40
THPT, GDTX	80	90	55	65	40	45

- Việc điều chỉnh tăng học phí ở bậc học mầm non giải quyết được một số vấn đề sau:

(1) Điều chỉnh tăng mức thu để giảm chênh lệch giữa các vùng, miền trong tỉnh (thành thị, nông thôn, miền núi) và các tỉnh thành phố trong cả nước. Hiện tại mức thu học phí của tỉnh Bắc Giang đang thấp hơn nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện từ những năm trước như: Lạng Sơn, Vĩnh Phúc, Hải Dương¹.

¹ Lạng Sơn (175, 100), Vĩnh Phúc (160, 100), Hải Dương (155, 115)...

(2) Giảm khoảng cách về mức học phí giữa các trường công lập và ngoài công lập (mức thu học phí trung bình của 10 trường mầm non tư thục trên địa bàn tỉnh hiện tại là 950.000 đồng/học sinh/tháng).

Với quy định mức thu học phí thấp, tạo áp lực tuyển sinh và quá tải đối với các trường mầm non công lập, không khuyến khích và khó đạt được mục tiêu phát triển các loại hình trường ngoài công lập theo quy định của Chính phủ. Hiện tại, tỷ lệ trường mầm non ngoài công lập của tỉnh thấp hơn rất nhiều so với cả nước (*toàn quốc 19,6%; Bắc Giang 4,4%*), tỷ lệ huy động trẻ mầm non học tại các trường mầm non ngoài công lập (*toàn quốc 18,4%; Bắc Giang 11,6%*). Trong khi đó mục tiêu của Chính phủ xác định đến năm 2025, số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt 25% với số trẻ em theo học đạt 30%².

(3) Việc điều chỉnh tăng học phí theo lộ trình cùng với cơ chế, chính sách của Trung ương để có thể chuyển đổi một số trường mầm non công lập thành ngoài công lập (ở một số địa phương có điều kiện).

2.2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập (tại Điều 2)

- Các khoản thu gồm: 10 khoản thu dịch vụ phục vụ, 08 khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục (trong đó có bổ sung khoản 04 thu mới đó là: Đưa đón học sinh; dạy tiếng Anh lớp 1, 2; ký túc xá; đồng phục học sinh). Lý do bổ sung: Dịch vụ đưa đón học sinh (nhu cầu mới của phụ huynh); Dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 (chương trình giáo dục phổ thông mới cho phép, biên chế giáo viên không được giao và một số địa phương phụ huynh có nhu cầu); đồng phục các trường (thực tế có thực hiện nhưng chưa có văn bản quy định để thống nhất quản lý); ký túc xá (thực tế học sinh một số trường có ở ký túc xá).

- Mức thu xác định là mức trần, có kế thừa các mức đã quy định trước đó. So với quy định cũ, có 9 khoản thu giữ nguyên; 5 khoản thu điều chỉnh tăng (do tăng mức lương cơ sở) gồm: dịch vụ tuyển sinh; thuê nhân viên nấu ăn; quản lý bán trú; tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi; vệ sinh.

Các khoản dịch vụ được xác định theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; các khoản hỗ trợ phù hợp với các hoạt động cần thiết của cơ sở giáo dục; chỉ thực hiện khi được sự thỏa thuận, thống nhất giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và có thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo.

(Chi tiết mức thu tại phụ lục kèm theo)

² Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

2.3. Về điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện (tại Điều 3)

Bãi bỏ quy định mức thu học phí được quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021; Điều 2, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hợp đồng giáo viên mầm non; mức thu học phí bậc học mầm non trong các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tế. Về cơ bản nội dung của dự thảo Nghị quyết không còn ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, địa phương.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh "*Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*"; UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ, tài liệu kèm theo gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các cơ quan trước phiên họp UBND tỉnh; (3) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình đối với văn bản thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Thông báo kết luận phiên họp của UBND tỉnh; (6) Tổng hợp các ý kiến của UBND huyện, thành phố sau phiên họp UBND tỉnh; (7) Báo cáo hoàn thiện nghị quyết của Sở Tư pháp; (8) Báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh; (9) Luật Giáo dục (Điều 99); (10) Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND; (11) Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND). *✍*

Nơi nhận: *✍*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TH;
 - + Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
BHQ CHỦ TỊCH



Lê Ánh Dương

PHỤ LỤC
CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Kèm theo Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức đang áp dụng	Mức đề nghị	Ghi chú
I	Các khoản dịch vụ phục vụ				
1	Dịch vụ tuyển sinh				
	- Xét tuyển	Học sinh/đợt xét	20	23	
	- Thi tuyển sinh	Học sinh/kỳ thi	150	170	
2	Trông giữ xe				
	- Xe đạp, xe đạp điện	Xe/tháng	15	15	
	- Xe máy điện, xe máy	Xe/tháng	40	40	
	- Ô tô	Xe/buổi	5	5	
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	Theo thực tế	Theo thực tế	
4	Ăn, ở bán trú				
	- Tiền ăn	Học sinh/ngày	20	25	
	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Học sinh/tháng	80	100	
	- Quản lý học sinh ăn ở bán trú	Học sinh/tháng	120	140	
5	Dạy thêm				
	- Dạy thêm các môn văn hóa	tiết/học sinh	Thỏa thuận	10	
	- Dạy kỹ năng sống; nghệ thuật; thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học	tiết/học sinh	Thỏa thuận	10	
	- Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài	tiết/học sinh	Thỏa thuận	30	
6	Dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2	tiết/học sinh		10	
7	Nhà ở ký túc xá	Học sinh/tháng	Thỏa thuận	150	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức đang áp dụng	Mức đề nghị	Ghi chú
8	Cung ứng Sách giáo khoa	Học sinh/năm học	Theo giá bia	Theo giá bia	
9	Đồng phục học sinh	Học sinh/năm học			
	- Áo cộc tay	Chiếc	100	100	
	- Áo dài tay	Chiếc	110	110	
	- Áo khoác mùa đông	Chiếc	185	185	
	- Thẻ đục, thể thao	Bộ	150	150	
10	Hoạt động trải nghiệm	Học sinh/năm học	300	300	
II	Các khoản hỗ trợ hoạt động giáo dục				
1	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	12	14	
2	Nước uống	Học sinh/tháng	6	6	
3	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Học sinh/tháng	Theo thực tế	Theo thực tế	
4	Tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi	Môn thi/lần thi/ thi tự luận	15	17	
		Môn thi/lần thi/ thi trắc nghiệm	8	9	
5	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Học sinh/kỳ thi	200	200	
6	Thẻ học sinh, sổ liên lạc (giấy)	Học sinh/năm học	35	35	
7	Đồ dùng bán trú trang bị đầu cấp	Học sinh/năm học	375	375	
	Đồ dùng bán trú trang bị hàng năm	Học sinh/năm học	75	100	
8	Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu	Học sinh/năm học	300	300	
	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	Học sinh/năm học	200	200	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG
Số: 1207/HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2020

DỰ THAO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021

CẤP HỌC	Mức thu học phí theo địa điểm trường (nghìn đồng/học sinh/tháng)		
	Thành thị (Phường, thị trấn)	Nông thôn	Các xã miền núi
Mầm non	180	125	90
Trung học cơ sở	85	60	40
THPT, GDTX cấp THPT	90	65	45

Điều 2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ
2. Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Mức thu cụ thể được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh học sinh theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

Bãi bỏ quy định mức thu học phí được quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021; mức thu học phí bậc học mầm non công lập được quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hợp đồng giáo viên mầm non; mức thu học phí bậc học mầm non trong các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cơ chế thu, quản lý và sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện Nghị quyết này từ năm học 2020-2021.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XVIII, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

PHỤ LỤC

CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày /7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
I	Các khoản dịch vụ phục vụ		
1	Dịch vụ tuyển sinh		
	- Xét tuyển	Học sinh/đợt xét	23
	- Thi tuyển sinh	Học sinh/kỳ thi	170
2	Trông giữ xe		
	- Xe đạp, xe đạp điện	Xe/tháng	15
	- Xe máy điện, xe máy	Xe/tháng	40
	- Ô tô	Xe/buổi	5
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
4	Ăn, ở bán trú		
	- Tiền ăn	Học sinh/ngày	25
	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Học sinh/tháng	100
	- Quản lý học sinh ăn ở bán trú	Học sinh/tháng	140
5	Dạy thêm		
	- Dạy thêm các môn văn hóa	tiết/học sinh	10
	- Dạy kỹ năng sống; nghệ thuật; thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học	tiết/học sinh	10
	- Dạy tiếng Anh của giáo viên người nước ngoài	tiết/học sinh	30
6	Dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2	tiết/học sinh	10
7	Nhà ở ký túc xá	Học sinh/tháng	150
8	Cung ứng Sách giáo khoa	Học sinh/năm học	Theo giá bìa
9	Đồng phục học sinh	Học sinh/năm học	
	- Áo cộc tay	Chiếc	100
	- Áo dài tay	Chiếc	110
	- Áo khoác mùa đông	Chiếc	185
	- Thẻ dục, thể thao	Bộ	150
10	Hoạt động trải nghiệm	Học sinh/năm học	300

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
II	Các khoản hỗ trợ hoạt động giáo dục		
1	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	14
2	Nước uống	Học sinh/tháng	6
3	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
4	Tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi	Môn thi/lần thi/ thi tự luận	17
		Môn thi/lần thi/ thi trắc nghiệm	9
	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Học sinh/kỳ thi	200
5	Thẻ học sinh, sổ liên lạc (giấy)	Học sinh/năm học	35
6	Đồ dùng bán trú trang bị đầu cấp	Học sinh/năm học	375
	Đồ dùng bán trú trang bị hàng năm	Học sinh/năm học	100
7	Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu	Học sinh/năm học	300
8	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	Học sinh/năm học	200

TỔNG HỢP Ý KIẾN
THAM GIA VÀO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH
(Kèm theo Tờ trình số 30/TTr-SGDĐT ngày 15/5/2020 của Sở GD&ĐT)

Sở GD&ĐT gửi dự thảo xin ý kiến đến 3 Sở (Nội vụ, Tài chính, Tư pháp); 10 UBND các huyện thành phố ; các trung tâm GDNN-GDTX, trường THPT trực thuộc Sở GD&ĐT.

Kết quả có 37 đơn vị nhất trí, còn lại một số ý kiến đề nghị bổ sung thêm nội dung thu và yêu cầu làm rõ, chi tiết như sau:

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Ý kiến tham gia	Ý kiến và giải trình của Sở GD&ĐT
1	Sở Tài chính	Bổ sung thu tiền đồng phục, trang phục cho học sinh, để thống nhất quản lý chung trong toàn tỉnh	Tiếp thu
2	UBND huyện Yên Thế	- Đề nghị bổ sung dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non - Tăng tiền huê người nấu ăn, phục vụ	- Không tiếp thu vì Bộ GD&ĐT chưa có hướng dẫn chương trình dạy. - Tiếp thu
3	UBND huyện Yên Dũng	- Đề nghị làm rõ hơn việc thu học phí theo vùng là theo hộ khẩu thường trú của học sinh hay theo nơi học tập của học sinh - Đề nghị bổ sung thêm Số liên lạc điện tử trong danh mục hỗ trợ hoạt động giáo dục	- Tiếp thu - Không tiếp thu, vì có nhiều dịch vụ hỗ trợ miễn phí
4	Trường THPT Lục Ngạn số 1	Bổ sung thu tiền đồng phục	Tiếp thu
5	Trường THPT Lục Ngạn số 2	Bổ sung thu tiền đồng phục	Tiếp thu
6	Trường THPT Lục Ngạn số 3	Bổ sung thu tiền đồng phục	Tiếp thu
7	Trường THPT Phương Sơn	Bổ sung thu tiền đồng phục	Tiếp thu
8	Trường THPT Lạng Giang số 1	Bổ sung khoản thu Số liên lạc điện tử	Không tiếp thu, vì có nhiều dịch vụ hỗ trợ miễn phí như zalo...
9	Trường THPT Hiệp Hoà số 1	Bổ sung thu tiền đồng phục	Tiếp thu

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Ý kiến tham gia	Ý kiến và giải trình của Sở GD&ĐT
10	Trường THPT Yên Dũng số 1	Bổ sung khoản thu Sổ liên lạc điện tử trong Danh mục các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục	Không tiếp thu
11	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung thu tiền đồng phục, trang phục - Thẻ học sinh, sổ liên lạc (giấy): Hiện nay hầu hết các trường đều sử dụng sổ liên lạc điện tử rất tiện lợi cho việc thông tin tới phụ huynh học sinh (nhanh, kịp thời) nên đề nghị đưa vào là “Thẻ học sinh, sổ liên lạc (điện tử)” 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu - Không tiếp thu
12	Trường THPT Giáp Hải	Bổ sung khoản thu Sổ liên lạc điện tử trong Danh mục các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục.	Không tiếp thu
13	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Tân Yên	Bổ sung thêm đồng phục học sinh	Tiếp thu

Số: 117/BC-STP

Bắc Giang, ngày 13 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Ngày 08/5/2020, Sở Tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định kèm theo Công văn số 427/SGDĐT-KHTC ngày 27/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định dự thảo tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết nêu trên và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được thể hiện trong dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp, thống nhất nội dung dự thảo văn bản.

2. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

2.1. Về thẩm quyền ban hành

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015¹.

2.2. Về nội dung văn bản

- Điều 1 quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021, trong đó, quy định mức thu học phí theo địa điểm trường và phân ra thành 03 địa điểm khác nhau gồm: thành thị (phường, thị trấn); nông thôn; miền núi (trừ thị trấn): đề nghị nghiên cứu làm rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của quy định nêu trên² để bảo đảm có căn cứ, tiêu chí xác đáng nhất xác định mức thu học phí cho hợp pháp, hợp lý, khả thi.

¹ theo đó, HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; trong trường hợp này là quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 - quy định "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

² theo quy định của một số nghị quyết đã được HĐND tỉnh ban hành quy định về nội dung này đều quy định mức thu học phí theo vùng và có 3 vùng gồm thành thị, nông thôn, miền núi. Với quy định nêu trên trong dự thảo, qua rà soát các văn bản QPPL trong phần căn cứ, không có quy định việc phân thành địa điểm trường như trên; ngoài ra, theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt, thành thị là thành phố, thị xã nói chung, về mặt là nơi dân cư đông đúc, công nghiệp và thương nghiệp phát triển, sinh hoạt văn hoá phong phú; phân biệt với nông thôn. Khoản 1

Bên cạnh đó, theo dự thảo, việc quy định mức thu học phí đối với trường thuộc phường và thị trấn là như nhau³, đề nghị nghiên cứu thêm quy định này về tính hợp lý, tính khả thi. Đối với nội dung này, đề nghị cần có báo cáo đánh giá việc thực hiện thu học phí trong thời gian qua với tình hình kinh tế - xã hội của mỗi vùng trên địa bàn, trên cơ sở đó, xây dựng mức thu học phí đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Nghị quyết: Đề nghị nghiên cứu làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để xác định mức thu, các khoản dịch vụ phục vụ, dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đơn cử như tại phần I - mức thu tối đa các khoản dịch vụ phục vụ:

(i) Mục 1 quy định nội dung và mức thu gửi xe, tuy nhiên giá dịch vụ trông giữ xe đã được quy định tại phần C biểu giá dịch vụ ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(ii) Mục 2 quy định dịch vụ tuyển sinh là một trong các khoản thu dịch vụ phục vụ do HĐND tỉnh quyết định⁴ là chưa phù hợp với khoản 2, điểm c khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019, theo đó, đây là khoản thu đã được xác định cụ thể (khoản thu cứng), không phải dịch vụ phục vụ như nội dung dự thảo quy định. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa theo hướng quy định riêng nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

(iii) Mục 5 quy định cụ thể mức thu tiền dạy thêm, học thêm; tuy nhiên, điểm b Điều 7 Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT⁵ quy định: “Mức thu tiền học thêm theo thỏa thuận giữa phụ huynh học sinh với tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm”.

3. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁶.

4. Về điều kiện trình

- Về trình tự, thủ tục: Cơ bản đảm bảo các bước theo quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định; tuy nhiên còn chưa đảm bảo thời gian đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015⁷.

Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn quy định: Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố; Quyết định số 582/QĐ-TTg năm 2017 ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; theo đó, tỉnh Bắc Giang có một số thị trấn thuộc miền núi, đơn cử như thị trấn An Châu, thị trấn Lục Nam...

³ theo quy định này tại dự thảo, các trường ở thị trấn thuộc huyện miền núi (như thị trấn An Châu huyện Sơn Động) với các trường ở phường thuộc thành phố Bắc Giang sẽ có mức thu học phí là như nhau.

⁴ theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019.

⁵ ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm.

⁶ ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

⁷ dự thảo này đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 21/4/2020 – chưa đủ 30 ngày tính đến ngày gửi đề nghị thẩm định

- Về nội dung: Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa các nội dung đã nêu tại tiểu mục 2.2 mục 2 Báo cáo này để đảm bảo tính hợp pháp, chính xác, thống nhất của các nội dung trong văn bản QPPL trình UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo và gửi Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định theo quy định⁸./.

Nơi nhận:

Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng XD&KTrVB.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Việt Hà

Sở tư pháp
Tỉnh Bắc Giang
13/05/2020 15:25:53

⁸ theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Đồng thời đây là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

Số: 218 /BC-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO
Giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Căn cứ Điều 121, Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (117/BC-STP ngày 13/5/2020), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp cụ thể như sau:

1. Về cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn quy định mức thu học phí theo địa điểm trường và phân ra thành 03 địa điểm khác nhau gồm: thành thị (phường, thị trấn); nông thôn; miền núi (trừ thị trấn)

- Việc xác định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông theo 03 vùng (thành thị, nông thôn, miền núi) được quy định tại khoản 1, Điều 4, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Trong những năm qua, việc quy định và tổ chức thu học phí trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên tỉnh Bắc Giang được chia theo 03 vùng như trên và tính theo đơn vị xã, phường, thị trấn, cụ thể:

(1) Thành thị gồm các phường thuộc thành phố Bắc Giang và các thị trấn của các huyện;

(2) Miền núi gồm các xã theo quy định của Chính phủ;

(3) Nông thôn là các xã còn lại.

Như vậy, việc phân chia theo 03 vùng như trên đã đảm bảo đúng với quy định của Chính phủ và cơ bản phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng.

- Nội dung đề xuất mức thu học phí theo địa điểm của cơ sở giáo dục:

Trên thực tế 100% các xã, phường, thị trấn đều có trường mầm non, tiểu học, THCS phục vụ nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn, việc quy định về thu học phí theo hộ khẩu hay theo địa điểm của trường mầm non, THCS là không có sự khác biệt. Tuy nhiên, việc quy định về mức thu học phí ở cấp THPT và GDTX theo hộ khẩu thường trú của học sinh như hiện nay còn nhiều bất cập như: Học sinh trong cùng một trường cùng hưởng dịch vụ giáo dục như nhau nhưng đóng học phí theo các mức khác nhau (do học sinh có hộ khẩu ở các vùng khác nhau) tạo sự không bình đẳng; khó khăn cho việc lập dự toán thu, tính toán kinh phí tạo nguồn làm lương của đơn vị.

2. Đề nghị nghiên cứu làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để xác định mức thu, các khoản dịch vụ phục vụ, dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

Việc xác định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục cơ bản giữ nguyên theo các mức đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 8/6/2017 của UBND tỉnh về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08/6/2017. Có 5 khoản thu điều chỉnh tăng (do tăng mức lương cơ sở theo quy định) gồm: Dịch vụ tuyển sinh; thuê nhân viên nấu ăn, quản lý bán trú; tổ chức thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi; vệ sinh.

3. Về dịch vụ tuyển sinh: Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, Sở GD&ĐT đã tách dịch vụ tuyển sinh thành mục riêng.

4. Về mức thu tiền gửi xe và dạy thêm học thêm

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 quy định giá dịch vụ trông giữ xe; Quyết định số 455/2012/QĐ-UBND quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 6 Luật Giáo dục năm 2019 thì Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, do vậy Sở GD&ĐT đề xuất dịch vụ gửi xe, dạy thêm học thêm do HĐND quy định.

Để công tác quản lý, giám sát việc tổ chức dạy thêm học thêm chặt chẽ hơn, Sở GD&ĐT đề xuất quy định mức thu tiền dạy thêm học thêm ở mức trần, trên cơ sở đó các đơn vị thỏa thuận với phụ huynh học sinh để có mức thu cụ thể cho từng đối tượng (Sở GD&ĐT sẽ tham mưu trong văn bản của UBND tỉnh quy định quản lý và sử dụng các dịch vụ phục vụ) nên vẫn phù hợp với Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT.



Sở Giáo dục và Đào tạo
2020.05.15 17:22:47 +07:00

Trần Tuấn Nam

THÔNG BÁO

Kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 5 năm 2020

Ngày 20/5/2020, UBND tỉnh tổ chức phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh Dương Văn Thái chủ trì phiên họp, UBND tỉnh đã thảo luận và quyết định các nội dung sau:

1. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí thông qua dự thảo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm; nhiệm vụ chủ yếu tháng 6 năm 2020, UBND tỉnh thống nhất đánh giá:

Ngay sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, cả nước nói chung và tỉnh Bắc Giang nói riêng đã chuyển sang giai đoạn mới, thực hiện "nhiệm vụ kép" - vừa tiếp tục phòng chống dịch, vừa tập trung đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong tháng 5/2020, tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã có chuyển biến và đạt được một số kết quả tích cực, cụ thể: Sản xuất công nghiệp tăng mạnh trở lại, giá trị sản xuất tháng 5 (giá thực tế) ước đạt 20.445 tỷ đồng, tăng 23,5% so với tháng 4/2020, tăng 10,2% so với cùng kỳ; 5 tháng đạt 92.540 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ. Sản xuất nông nghiệp đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, các loại cây trồng, vật nuôi sinh trưởng tốt; công tác chuẩn bị cho thu hoạch và tiêu thụ vải thiều được tập trung thực hiện; quy mô đàn lợn tăng nhanh. Các hoạt động dịch vụ, thương mại cơ bản đã trở lại bình thường; tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh so với tháng 4/2020. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực; tổng số vốn đầu tư thu hút trong tháng 5 đạt 229 triệu USD, tăng 20,5% so với cùng kỳ, 5 tháng đầu năm đạt 625 triệu USD, tăng 30% so với cùng kỳ. Tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân vốn đầu tư công cao hơn cùng kỳ. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội cơ bản đã hoạt động trở lại bình thường; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt; các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được triển khai thực hiện kịp thời, chặt chẽ. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, TNGT giảm sâu cả 3 tiêu chí (trên 30%) so với cùng kỳ.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, tồn tại, hạn chế như: Một số doanh nghiệp, HTX vẫn còn khó khăn do thiếu nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ đầu ra, doanh nghiệp FDI thiếu chuyên gia, nhà quản lý, lao động nước ngoài. Tổng thu nội địa tháng 5/2020 chỉ đạt 470 tỷ đồng, giảm 50,8% so với cùng kỳ; 05 tháng đầu năm đạt 3.540 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ. Tiến độ thực hiện một số dự án lớn còn chậm; 18/23 dự án khởi công mới năm 2020 chưa khởi công; tỷ lệ giải ngân vốn ODA, vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, vốn chuyển nguồn từ năm 2019 sang 2020 đạt thấp. Tiến độ lập Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Kế hoạch

số 48/KH-UBND ngày 21/02/2020 còn chậm; thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường chưa có nhiều chuyển biến ngoài thực tế. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh còn nhiều hạn chế, 3/4 chỉ số đánh giá năm 2019 (PCI, PAPI, Par Index, Sipas) tụt hạng hoặc giữ nguyên vị trí so với năm 2018, đặc biệt chỉ số PCI giảm 4 bậc so với năm 2018, đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 thấp hơn nhiều so với cùng kỳ (tháng 5/2020 đạt 23,6%, cùng kỳ đạt 33,9%); chất lượng tham mưu, tính chủ động, hiệu quả giải quyết công việc của một số sở ngành chưa có nhiều cải thiện. Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng tại một số địa bàn (như tại huyện Yên Thế, Lục Ngạn, Sơn Động) còn diễn biến phức tạp; số vụ phạm pháp hình sự có xu hướng tăng.

Tháng 6/2020, ngoài 08 nhiệm vụ đã nêu trong báo cáo, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau:

(1) Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch, vừa tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; tuyệt đối không lơ là, chủ quan; tập trung kiểm soát chặt chẽ các nguồn có nguy cơ lây nhiễm, nhất là người nước ngoài nhập cảnh vào tỉnh, người địa phương trở về từ nước ngoài để thực hiện kịp thời các biện pháp cách ly, phòng chống dịch.

Tập trung chuẩn bị tốt các nội dung trình HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 10 đảm bảo tiến độ, chất lượng. rà soát, xây dựng hoàn thiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025.

(2). Tiếp tục tập trung thực hiện các biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Khẩn trương bố trí kinh phí và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ đối với 4 nhóm đối tượng (người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo) đã phê duyệt danh sách, đồng thời tiếp tục rà soát xác định danh sách, hỗ trợ các nhóm đối tượng còn lại theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực hiện các chính sách hỗ trợ được công khai, minh bạch, đúng đối tượng; kiên quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, trục lợi chính sách.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương rà soát, xác định danh sách các nhóm đối tượng còn lại đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ để tổng hợp trình phê duyệt và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ theo quy định.

Ngân hàng nhà nước tỉnh tiếp tục quan tâm chỉ đạo các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã được tiếp cận vay vốn để khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh. Cục thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh tiếp tục quan tâm, giải quyết kịp thời các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định.

(3). Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện cho thu hoạch và tiêu thụ vải thiều, tiếp tục đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, tái đàn lợn; tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm đê điều, tranh chấp, lấn chiếm đất rừng; chủ động ứng phó với các tình huống khẩn cấp, thiên tai phòng, chống bão lụt, tìm kiếm cứu nạn.

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Hội nghị trực tuyến xúc tiến tiêu thụ vải thiều ngày 06/6/2020.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với Cục bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để mời, đón và phối hợp làm việc với chuyên gia Nhật Bản sang giám sát quá trình xử lý vải thiều đảm bảo điều kiện xuất khẩu sang Nhật Bản; chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các địa phương nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý xe quá tải vận chuyển vật liệu hoạt động trên các tuyến đê đảm bảo an toàn đê điều, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 30/5/2020; tập trung đôn đốc các địa phương tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới.

(4). Tập trung đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương hoàn thiện phương án quy hoạch của ngành để báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy trước ngày 05/6/2020. Sở Kế hoạch và Đầu tư bám sát Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện phương án quy hoạch; phối hợp, đôn đốc đơn vị tư vấn tích hợp, xây dựng hoàn thiện dự thảo Quy hoạch tỉnh, gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị trước ngày 20/6/2020; chủ động tổ chức các hội thảo chuyên đề theo kế hoạch.

Các cơ quan, đơn vị tập trung nghiên cứu, lập chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021, 2022 theo Công văn số 1949/UBND-XD ngày 11/5/2020, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đảm bảo hoàn thành chậm nhất trong tháng 7/2020. Chủ đầu tư các dự án tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, tiến độ thi công và giải ngân các dự án, nhất là những dự án lớn, trọng điểm của tỉnh, dự án đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, dự án đầu tư công, dự án BT,...

(5). Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản và môi trường, trọng tâm là việc thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 21/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo, chấn chỉnh đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã đề ra. Khẩn trương tổng hợp danh mục các điểm có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dự kiến đưa vào quy hoạch tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh sơ bộ danh mục trước ngày 31/5/2020, đồng thời tập trung xây dựng kế hoạch, trình tự các bước để tổ

chức đầu giá quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nội dung công việc sau đấu giá, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 15/6/2020.

(6). Tập trung chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Mục tiêu phải cải thiện mạnh mẽ các chỉ số đánh giá cấp tỉnh, đặc biệt là cải thiện thứ hạng PCI của tỉnh năm 2020.

- Các sở ngành, địa phương tổ chức kiểm điểm, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Kế hoạch hành động số 266/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 và những năm tiếp theo; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến các chỉ số thành phần bị giảm điểm, tụt hạng; đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Kết quả gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/5/2020.

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành, địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phân tích, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị đối với các chỉ số giảm điểm; đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh kiểm điểm, phê bình người đứng đầu các cơ quan không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá PCI của tỉnh năm 2019; tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020, đồng thời chuẩn bị nội dung, điều kiện, tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn, quán triệt triển khai đến các thành phần có liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực thi nhiệm vụ trong tháng 6/2020.

- Các sở, ngành, địa phương và từng cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ; xác định rõ thái độ, trách nhiệm khi giải quyết các thủ tục hành chính liên quan người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1563/UBND-TH ngày 14/4/2020. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp, người dân về khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh và những tồn tại, bất cập trong giải quyết thủ tục hành chính tại các sở, ngành, địa phương, hoàn thành trước ngày 25/5/2020.

- Giao Sở Ngoại vụ chuẩn bị phương án bố trí phiên dịch phục vụ cho các Hội nghị, buổi làm việc của lãnh đạo tỉnh với các đối tác, doanh nghiệp nước ngoài.

(7). Tiếp tục nắm chắc tình hình đời sống của nhân dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền chào mừng Đại hội Đảng các cấp và các ngày lễ lớn. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2020-2021, kỳ thi THPT quốc gia đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy định. Duy trì thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo, tập trung xem xét giải quyết kịp thời các đơn thư liên quan đến nhân sự Đại hội, các điểm nóng, vụ việc phức tạp tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự trên địa bàn.

Giao Công an tỉnh rà soát nắm chắc tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, nhất là tại khu vực nông thôn, các khu công nghiệp; chủ động tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các biện pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn cho Đại hội đảng các

cấp, cũng như thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh các nội dung liên quan trước ngày 31/5/2020.

Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu các ý kiến tham gia tại phiên họp, phối hợp với Chánh Văn phòng UBND tỉnh hoàn chỉnh báo cáo trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí thông qua dự thảo *Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về hỗ trợ phương tiện, dụng cụ thu gom, vận chuyển và hỗ trợ người đốt rác tại các lò đốt do nhà nước đầu tư; bổ sung quy định việc hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện, cấp xã để các địa phương có cơ sở thực hiện; nghiên cứu quy định rõ mức hỗ trợ xây dựng lò đốt rác trong trường hợp nhà nước đầu tư và trường hợp nhà đầu tư thực hiện; quy định thời gian hỗ trợ bồi thường GPMB và xây dựng lò đốt tập trung thực hiện trong giai đoạn 2020-2022, thời gian hỗ trợ kinh phí xử lý rác, mua phương tiện, dụng cụ thu gom, vận chuyển thực hiện đến năm 2025; đối với các thủ tục hành chính phát sinh nghiên cứu dẫn chiếu theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,...

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn thiện dự thảo báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước khi phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí với dự thảo *Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.*

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, trong đó nghiên cứu lại mức thu học phí đối với bậc học mầm non cho phù hợp (có thể tăng dần theo lộ trình cụ thể, nhất là tại khu vực nông thôn và các xã miền núi); tổ chức lấy ý kiến các địa phương trước khi phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, trình Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương ký, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí với dự thảo *Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2026.*

Sở Y tế nghiên cứu bổ sung làm rõ sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết; những nội dung thay đổi, lý do thay đổi so với quy định đã ban hành. Điều chỉnh thời gian cam kết của Bác sỹ nội trú sau khi được xét tuyển đảm bảo tối thiểu 05 năm; quy định rõ hơn các yêu cầu đối với đối tượng hợp đồng được cử đi học và được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo (thông qua hợp đồng hoặc cam kết).

Giao Sở Y tế tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương ký, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. UBND tỉnh thảo luận và nhất trí với dự thảo *Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh.*

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

6. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí với dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định. Giao Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục nghiên cứu, cho ý kiến hoàn thiện dự thảo Quyết định, báo cáo xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi ký ban hành.

7. UBND tỉnh thảo luận và nhất trí với dự thảo *Quyết định quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang.*

Giao Sở Tài chính tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

8. UBND tỉnh thảo luận và cơ bản nhất trí với dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh*

Giao Sở Xây dựng tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, nghiên cứu, đề xuất việc xử lý chuyên tiếp đối với các dự án thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 531/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh nhưng chưa chấp thuận đầu tư hoặc chậm tiến độ; phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, báo cáo lại Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh trước khi trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký ban hành.

9. UBND tỉnh thảo luận và nhất trí với dự thảo *Đề án phân loại đô thị thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam đạt tiêu chí đô thị loại IV.*

Giao UBND huyện Lục Nam tiếp thu ý kiến tham gia của các đại biểu tại phiên họp, phối hợp với Sở Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký, trình Thường trực

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và HĐND tỉnh khóa XVIII tại kỳ họp thứ 10 trước khi trình Bộ Xây dựng thẩm định và công nhận đô thị loại IV.

10. UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan nghiên cứu kỹ dự thảo *Báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước, trong và sau kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa XVIII*; tiếp tục tập trung chỉ đạo giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; tham gia ý kiến bằng văn bản và chịu trách nhiệm đối với những nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý, gửi lại Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 25/5/2020 để hoàn thiện dự thảo báo cáo. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với các Ban của HĐND tỉnh giám sát kết quả thực hiện các kiến nghị của cử tri theo kế hoạch.

Giao Chánh Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, tiếp thu các ý kiến tham gia, hoàn thiện báo cáo sau khi các Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký, trình HĐND tỉnh khóa XVIII tại kỳ họp thứ 10.

11. UBND tỉnh thảo luận và nhất trí với Tờ trình số 117/TTr-SNV ngày 20/5/2020 của Sở Nội vụ về công tác tổ chức và cán bộ.

12. Đối với các nội dung xin ý kiến bằng văn bản:

(1). Dự thảo *Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020*: Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo báo cáo, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(2). Dự thảo *Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*: Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Kế hoạch, trình Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương ký ban hành.

(3). Dự thảo *Quyết định bãi bỏ Quyết định số 112/2010/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*: Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo, trình Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương ký ban hành.

(4). Dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 194/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh*: Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

(5). Dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 90/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh*: Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo trình Chủ tịch UBND tỉnh ký, ban hành.

(6). Dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 102/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh*: Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

(7). Dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 463/2016/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh*: Giao Giám đốc Sở Công Thương tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký ban hành.

(8). Dự thảo *Quyết định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh*: Giao Giám đốc Sở Công Thương tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Ủy viên UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo báo cáo, trình Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Lại Thanh Sơn ký ban hành.

Chủ tịch UBND tỉnh thông báo Kết luận phiên họp UBND tỉnh tháng 5/2020 để các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố biết, tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Viện KSND, TAND, Công an, Bộ CHQS tỉnh;
- Cục Thống kê, Cục Thuế, Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP; các phòng, đơn vị;
- Lưu VT, TH.

TL. CHỦ TỊCH

CHÍNH VĂN PHÒNG



Lê Tuấn Phú

TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VÀO DỰ THẢO VĂN BẢN SAU PHIÊN HỌP UBND TỈNH

Sở GD&ĐT đã gửi dự thảo tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đến 10 huyện, thành phố: Kết quả có 7/10 nhất trí; 2/10 có ý kiến bổ sung thêm khoản thu; 1/10 có ý kiến giải thích rõ một số nội dung. Chi tiết được tổng hợp trong bảng dưới đây:

STT	Đơn vị tham gia ý kiến	Ý kiến tham gia	Giải trình của Sở GD&ĐT
1	UBND huyện Lục Nam	Đề nghị bổ sung Số liên lạc điện tử: 50.000 đồng/học sinh/năm học	Không nhất trí. Các trường liên lạc thông tin qua nhóm zalo; điểm số và nhận xét của giáo viên qua sổ liên lạc giấy
2	UBND huyện Lạng Giang	- Phụ lục Nghị quyết: Thẻ học sinh và sổ liên lạc (giấy): 35.000 đồng/học sinh/năm học - Sửa đổi, bổ sung: Thẻ học sinh và sổ liên lạc điện tử: 65.000 đồng/học sinh/năm học	Không nhất trí. Các trường liên lạc thông tin qua nhóm zalo; điểm số và nhận xét của giáo viên qua sổ liên lạc giấy
3	UBND TP Bắc Giang	Đề nghị xem xét, điều chỉnh và làm rõ hơn một số nội dung sau: a) Phần II- Các khoản dịch vụ phục vụ, Phụ lục kèm theo như sau: - Mục 1: Gửi xe: Xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe máy, ô tô thực hiện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; - Mục 4: Dạy thêm học thêm: Dạy tiếng Anh với người nước ngoài đề nghị mức giá điều chỉnh giảm theo nội dung Công văn số 1279/SGDDĐT-TrH ngày 14/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Giang về việc chấn chỉnh việc dạy tiếng Anh với giáo viên nước ngoài trong các trường phổ thông. - Mục 5: Dạy Tiếng Anh tự chọn có thu tiền. Đề nghị không thu khoản tiền này, vì Công văn số 681/BGDĐT- GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT 2018; đồng thời, xem xét khoản thu này có bị trùng lặp với Mục 4 (Dạy.... ngoại ngữ). - Mục 7: Sách giáo khoa không đưa vào Nghị quyết, vì Sách giáo khoa giáo dục phổ thông hiện nay đang được quản lý theo quy	Không tiếp thu các ý kiến với các lý do sau: - Ý kiến đề xuất tới các văn bản đã có của UBND tỉnh quy định (Quyết định số 11; Công văn số 1279/SGDDĐT-TrH; Luật Giá và Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT...) nhưng theo Luật Giáo dục năm 2019 thì danh mục các khoản dịch vụ và hỗ trợ trong trường học do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định. Do vậy khi Luật có hiệu lực thi hành thì các khoản phải được HĐND tỉnh quy định. - Không tiếp thu nội dung không thu khoản tiền Dạy Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 vì Công văn số 681/BGDĐT- GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT 2018 quy định về nội dung, chương trình, điều kiện để dạy và học; không quy định nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí cho việc dạy tự chọn tiếng Anh lớp 1.

		<p>định tại Luật Giáo dục, Luật Giá, trong đó giá sách giáo khoa được thực hiện theo quy định tại pháp luật về giá, thuộc danh mục mặt hàng thực hiện kê khai giá.</p> <p>b) Phần III. Các khoản hỗ trợ giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục 4: Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin, cần làm rõ căn cứ pháp lý đối với mức thu này trong Tờ trình. - Mục 8, Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Đề nghị thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. 	<p>Không trùng lặp với Mục 4, vì mục 4 quy định dạy tiếng Anh với giáo viên nước ngoài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin là dịch vụ trong các trung tâm giáo dục thường xuyên (là đối tượng của Luật Giáo dục) - Mục 8: Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đề xuất thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT <p>Theo Luật Giáo dục, HĐND tỉnh quy định khoản hỗ trợ này là đúng và để tăng cường quản lý cần đưa ra mức trần. Tuy nhiên theo Thông tư số 16, mức thu do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT phê duyệt trên cơ sở đề xuất của các trường. Nội dung này Sở sẽ tham mưu với UBND tỉnh trong hướng dẫn.</p>
--	--	---	--

Số: 162 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 09 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả hoàn thiện dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 597/SGDDĐT-KHTC ngày 03/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thiện hồ sơ dự thảo trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết nêu trên và căn cứ quy định pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh một số nội dung hoàn thiện dự thảo văn bản trên như sau:

1. Về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo văn bản

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên còn có một số nội dung chưa đảm bảo thống nhất giữa các nội dung, chưa chính xác¹: (i) tên gọi dự thảo Nghị quyết “**Quy định mức thu... các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**”, tuy nhiên, Điều 2 quy định “**mức thu dịch vụ tuyển sinh, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập**”; (ii) tên phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết quy định “**các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**”; tuy nhiên, ngoài việc quy định các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục còn quy định dịch vụ tuyển sinh. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo tính thống nhất, chính xác của quy định trong dự thảo văn bản QPPL.

2. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo văn bản

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật soạn thảo dự thảo văn bản cơ bản đảm bảo phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP².

¹ Các nội dung này không có trong dự thảo gửi đề nghị thẩm định

² ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh và đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu chỉnh sửa./.

Nơi nhận:

Lưu: VT.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng XD&KTrVB.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Việt Hà

Giờ ký: 09/06/2020 07:36:59

Đỗ Thị Việt Hà

TỈNH ỦY BẮC GIANG
ĐẢNG ĐOÀN
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2020

Số: 05^{*}-BC/ĐĐ

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021”

Thực hiện phân công của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng đoàn HĐND tỉnh tổ chức thẩm định Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021” do Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng. Qua thẩm định, Đảng đoàn HĐND tỉnh báo cáo kết quả như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Nghị quyết ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, thống nhất các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện của phụ huynh học sinh và nhà trường để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập. Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

2. Về nội dung Dự thảo Nghị quyết

Đảng đoàn HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021”. Tuy nhiên, để Nghị quyết khi ban hành đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi, đề nghị Ban cán sự Đảng UBND tỉnh nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung, tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết và lưu ý một số nội dung sau:

- Về tên Nghị quyết: Đưa nội dung dịch vụ tuyển sinh vào nội dung dịch vụ phục vụ; chuyển thời hiệu của Nghị quyết vào dự thảo nội dung của Nghị quyết và bổ sung nội dung “Khung” trong Nghị quyết để sửa tên Nghị quyết cho ngắn gọn, bao hàm đúng nội dung (Tên Nghị quyết: “Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”).

- Về nội dung:

+ Đưa nội dung quy định mức thu tối đa và quy định việc thỏa thuận mức cụ thể trong khung giữa nhà trường và phụ huynh học sinh vào nội dung của Điều 2.

+ Để giảm bớt khó khăn cho các gia đình học sinh và tránh lạm dụng, xem xét điều chỉnh và giảm mức thu tối đa đối với khoản thu may đồng phục, đồng thời xác định mức tối đa theo bộ (mùa hè, mùa đông, khác...) để phụ huynh học sinh dễ lựa chọn, đảm bảo phù hợp với tình hình và hoàn cảnh cụ thể.

+ Đưa thời hiệu thực hiện của Nghị quyết vào trong Điều 3.

Trên đây là kết quả thẩm định Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021” do Ban cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đảng đoàn HĐND tỉnh trân trọng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- BCS Đảng UBND tỉnh;
- Các thành viên Đảng đoàn;
- Tailieuhoptinhuy@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT, ĐĐ.

T/M ĐẢNG ĐOÀN
PHÓ BÍ THƯ



Bùi Văn Hạnh

II. Về trình tự thủ tục

Dự thảo Nghị quyết được tổ chức xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 được Đảng đoàn HĐND tỉnh thẩm định. UBND tỉnh đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

III. Nội dung Dự thảo Nghị quyết

Qua thẩm tra, Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nội dung của Dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng có đủ cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền; quy trình xây dựng và hồ sơ, thủ tục đảm bảo, đủ điều kiện đề trình HĐND tỉnh. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Nội dung phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, đảm bảo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; phù hợp với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết.

Tuy nhiên, để Nghị quyết khi ban hành đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi, đề nghị UBND tỉnh chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

1. Về tên Dự thảo Nghị quyết: Đưa nội dung dịch vụ tuyển sinh và nội dung dịch vụ phục vụ vào cùng một mục; chuyển thời hiệu của Nghị quyết vào dự thảo nội dung của Nghị quyết và bổ sung nội dung “ Khung” trong Nghị quyết. Đề nghị sửa tên Nghị quyết là: “Quy định mức thu học phí, mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

2. Về nội dung Dự thảo Nghị quyết:

- Đưa nội dung quy định mức thu tối đa và quy định việc thỏa thuận mức cụ thể trong khung giữa nhà trường và phụ huynh học sinh vào nội dung của Điều 2.

- Đề giảm bớt khó khăn cho các gia đình học sinh và tránh lạm dụng, xem xét điều chỉnh và giảm mức thu tối đa đối với một số khoản thu, như khoản thu may đồng phục. Xác định mức tối đa khoản thu may đồng phục theo bộ (mùa hè, mùa đông, khác...) để phụ huynh học sinh dễ lựa chọn, đảm bảo phù hợp với tình hình và hoàn cảnh cụ thể.

- Đưa thời hiệu thực hiện của Nghị quyết vào trong Điều 3.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục

Số: 74 /BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021”

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh tại Thông báo số 14/TB-HĐND ngày 02/6/2020, Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh khóa XVIII đã tiến hành thẩm tra Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021” trình kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khóa XVIII.

Qua thẩm tra, Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh khóa XVIII có ý kiến như sau:

I. Về căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn

1. Căn cứ pháp lý

Dự thảo Nghị quyết “Quy định mức thu học phí, dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021” được xây dựng đảm bảo các căn cứ pháp lý gồm: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Giá ngày 20/6/2012 và Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.

2. Cơ sở thực tiễn

Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh đang được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 và Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh. Tuy nhiên, mức thu này cần được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Nghị quyết ban hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, thống nhất các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện của phụ huynh học sinh và nhà trường để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập.

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2020-2021”.

Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh khóa XVIII trân trọng báo cáo HĐND tỉnh khóa XVIII./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng.

TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI
HƯỜNG BAN



Hà Văn Bé

LUẬT GIÁO DỤC (trích điều 99)

Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo

1. Học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định; đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục đại học.

2. Chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo gồm toàn bộ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp và gián tiếp hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục.

Mức thu dịch vụ tuyển sinh mà người dự tuyển phải nộp khi tham gia xét tuyển, thi tuyển được xác định theo lộ trình tính đúng, tính đủ.

3. Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí; ở địa bàn không đủ trường công lập, học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục tư thục được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.

5. Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này và học sinh trung học cơ sở được miễn học phí theo lộ trình do Chính phủ quy định.

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

a) Chính phủ quy định cơ chế thu và quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

d) Cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và các dịch vụ khác bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý. Thực hiện công khai chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo và mức thu theo cam kết trong đề án thành lập trường, công khai cho từng khóa học, cấp học, năm học theo quy định của pháp luật.

Số: 12/2016/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang
từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ: Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 125/TT-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập tỉnh Bắc Giang từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 như sau:

1. Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
 - a) Mức thu học phí đối với năm học 2016-2017:

CẤP HỌC	Mức thu học phí theo vùng (1.000 đồng/học sinh/tháng)		
	Thành thị	Nông thôn	Miền núi
Mầm non	75	50	35
Trung học cơ sở	75	50	35
Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông	80	55	40

b) Mức thu học phí từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021:

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mức thu học phí năm học 2016-2017, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh mức thu và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Mức thu học phí đối các cơ sở với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

a) Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC) tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư:

Đơn vị: 1.000 đồng/sinh viên/tháng.

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	280	320	310	350	340	390	370	430	420	470
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	330	380	370	420	400	460	440	510	490	560
3. Y dược	410	470	450	520	500	560	550	620	600	680

b) Mức thu học phí đào tạo theo phương thức giáo dục thường xuyên: Do đơn vị quyết định theo nguyên tắc đủ bù đắp chi phí nhưng không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng cùng trình độ đào tạo, nhóm ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

c) Mức thu học phí đối với sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác: Áp dụng thu theo sự thỏa thuận chi phí giữa cơ sở giáo dục và người học nhưng không được cao hơn mức thu học phí đối với trung cấp nghề nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

d) Mức thu học phí học lại: Bằng mức thu học phí quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này.

3. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng, quản lý tiền học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 05/7/2016 và có hiệu lực từ ngày 15/7/2016./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Văn Hải

Số: 19/2017/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hợp đồng giáo viên mầm non;
mức thu học phí bậc học mầm non trong các trường
mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Xét Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cơ chế, chính sách hợp đồng giáo viên mầm non trong các trường mầm non công lập

1. Thực hiện hợp đồng lao động đối với giáo viên mầm non đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp theo vị trí làm việc tại các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Việc hợp đồng giáo viên còn thiếu trên cơ sở số lớp thực tế, để đảm bảo đạt tỷ lệ 1,8 giáo viên/lớp mẫu giáo.

2. Chế độ tiền lương và các chế độ khác của giáo viên hợp đồng lao động theo Nghị quyết này được đảm bảo như giáo viên hợp đồng làm việc trong biên chế.



3. Kinh phí tổ chức thực hiện

a) Nguồn thu học phí được cân đối để chi lương, phụ cấp cho giáo viên mầm non.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các khoản đóng góp bắt buộc (tổng 24% quỹ lương); trong đó: Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo 50%; ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50%. Riêng hợp đồng giáo viên mầm non tại huyện Sơn Động và các xã đặc biệt khó khăn do ngân sách cấp tỉnh chi trả 100% lương, phụ cấp và các khoản đóng góp bắt buộc.

Điều 2. Mức thu học phí bậc học mầm non công lập

1. Mức thu học phí bậc học mầm non công lập năm học 2017-2018 cụ thể như sau: vùng miền núi 60.000 đồng/01 tháng; vùng nông thôn 85.000 đồng/01 tháng; vùng thành thị 130.000 đồng/01 tháng.

2. Mức thu học phí bậc học mầm non công lập từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021, áp dụng như năm học 2017 - 2018. Trường hợp cần thay đổi mức thu học phí để bảo đảm cân đối chi lương và phụ cấp cho giáo viên mầm non, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Bãi bỏ mức thu học phí bậc học mầm non công lập được quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục - Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin "Đại biểu dân cử tỉnh Bắc Giang"
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP.HĐND tỉnh.



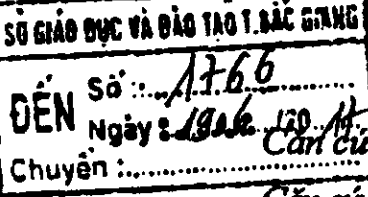
Số: 16 /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thu, sử dụng các khoản thu
thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non,
phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 17/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./ *K*

Nơi nhận: *LD*

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp (b/c);
- Các bộ: GD&ĐT, Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TT Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



LD
Le Anh Dương

QUY ĐỊNH

Về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
2. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện, trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập

1. Thực hiện thu đúng, thu đủ chi, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, trước khi thu phải có dự toán thu, chi của từng khoản thu phải được sự thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của ban giám hiệu, tập thể hội đồng giáo dục nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

2. Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế thực hiện công khai tài chính đối với nguồn quỹ có từ ngân sách nhà nước và có nguồn từ đóng góp của nhân dân; Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Phải hạch toán riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và được tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hàng năm, không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác.

4. Ngoài các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện quy định dưới đây các cơ sở giáo dục không được tự ý đặt ra bất kỳ một khoản thu nào khác, nếu thu sai quy định phải trả lại cho phụ huynh và học sinh.

Điều 4. Các khoản thỏa thuận phục vụ người học

1. Đối với trường mầm non

1.1. Các khoản thu theo ngày

Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ trẻ; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày trẻ thực ăn.

1.2. Các khoản thu theo tháng

Tiền phục vụ chăm sóc trẻ bán trú (trông trưa): Mức thu không quá 120.000 đồng/trẻ/tháng. Nguồn thu dùng để chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ 85%; chi bồi dưỡng người tham gia gián tiếp 15% (gồm cán bộ quản lý, người thu tiền, kế toán, bảo vệ).

Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng/trẻ (thu cùng tiền ăn).

Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 8.000 đồng/trẻ/tháng, để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

1.3. Các khoản thu theo năm học

Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản như xoong, nồi, bếp ga chỉ thu đối với trẻ mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao như xà phòng, rổ, nước rửa bát thu theo trẻ ăn bán trú và thu theo học kỳ.

Những vật dụng cá nhân sử dụng trong năm (bàn chải, khăn mặt): Nhà trường thống nhất với phụ huynh để lựa chọn cách thức trang bị cho phù hợp.

Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho cha mẹ trẻ (như vở tập tô chữ cái, vở làm quen với toán, vở tạo hình) thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

1.4. Khoản thu theo hoạt động

Thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm, rèn kỹ năng sống cho trẻ (Thực hành khám phá môi trường tự nhiên, môi trường xã hội; ngày hội, ngày lễ; giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; dạo chơi tham quan, dã ngoại; các hoạt động xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm): Nhà trường thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi.

2. Đối với các trường tiểu học

2.1. Các khoản thu theo ngày

Tiền ăn học sinh bán trú: Mức thu theo thoả thuận với cha, mẹ học sinh; thu tiền ăn theo tháng trên cơ sở ngày học sinh thực ăn.

Tiền học 02 buổi/ngày: Thu tiền đối với những trường tiểu học không đủ giáo viên để dạy 02 buổi/ngày; chỉ thu tiền số buổi học vượt định mức giờ dạy của giáo viên theo quy định. Mức thu không quá 9.000 đồng/1 học sinh/buổi (3 tiết học). Thu để trả tiền công giáo viên trực tiếp giảng dạy 80%; trả công những người tham gia gián tiếp 10% (gồm cán bộ quản lý, người thu tiền, kế toán); tăng cường cơ sở vật chất và các khoản chi phí liên quan 10%.

2.2. Các khoản thu theo tháng

Tiền phục vụ chăm sóc học sinh bán trú (trông trưa); tiền điện phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: Thực hiện như đối với trường mầm non.

Tiền vệ sinh: Thu không quá 5.000 đồng/học sinh/tháng để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

Tiền nước uống: Thu không quá 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi cho việc mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết, thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

2.3. Các khoản thu theo năm học

Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập, thẻ học sinh, sổ liên lạc: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, hình thức liên lạc giữa gia đình và nhà trường (Sổ liên lạc giấy, Sổ liên lạc điện tử) dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản như xoong, nồi, bếp ga chỉ thu đối với học sinh mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao như xà phòng, rô, nước rửa bát thu theo học sinh ăn bán trú và thu theo học kỳ.

Những vật dụng cá nhân sử dụng trong năm (bàn chải, khăn mặt): Nhà trường thống nhất với phụ huynh để lựa chọn cách thức trang bị cho phù hợp.

2.4. Khoản thu theo hoạt động

Tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, rèn kỹ năng sống cho học sinh (tổ chức các hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa và các hoạt động xã hội khác; tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường tiếng anh trong các cơ sở giáo dục): Nhà trường thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi.

3. Đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên

3.1. Các khoản thu theo tháng

Thu tiền nước uống: mức thu không quá 6.000 đồng/tháng/học sinh để mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 5.000 đồng/học sinh/tháng để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

Tiền điện phục vụ chạy máy điều hòa nhiệt độ tại phòng học: Thu, chi theo số dùng thực tế theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo từng tháng/học sinh.

3.2. Các khoản thu theo năm học

Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập, thẻ học sinh, sổ liên lạc: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, hình thức liên lạc giữa gia đình và nhà trường (Sổ liên lạc giấy, Sổ liên lạc điện tử), dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

Luyện kỹ năng làm bài thi: Trong quá trình thực hiện tổ chức dạy và học để nâng cao kỹ năng làm bài thi tuyển sinh, tốt nghiệp, tùy theo điều kiện của đơn vị, nhu cầu của nhân dân, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thống nhất với phụ huynh tổ chức thi thử cho học sinh, mức thu đủ để chi cho ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm; bì đựng giấy kiểm tra.

3.3. Các khoản thu theo hoạt động

Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu); hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh: Nhà trường có trách nhiệm thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi.

4. Các cơ sở giáo dục tổ chức học tiếng Anh có giáo viên người nước ngoài

Cơ sở giáo dục thỏa thuận với phụ huynh học sinh để thống nhất mức thu chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định tại khoản 5, mục III, Đề án Đổi mới dạy và học tiếng Anh trong các trường phổ thông giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh.

Điều 5. Các khoản thực hiện theo tự nguyện

Trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị dạy học, bàn ghế phục vụ cho dạy và học, các cơ sở giáo dục tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tự nguyện đóng góp, theo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc, không bình quân hoá mức đóng góp, thu đủ chi.

Điều 6. Thu chi các khoản tiếp nhận tài trợ, viện trợ

Các cơ sở giáo dục tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ, quà biếu, cho, tặng của các tổ chức xã hội, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ GD&ĐT quy định về tiếp nhận tài trợ, viện trợ cho các cơ sở giáo dục trọng hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 7. Quản lý và hạch toán quyết toán

Các khoản thu trên được theo dõi, phản ánh trong hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị, thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định phê duyệt mức thu, chi của từng khoản thu đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trình tự, thủ tục thu, sử dụng, hạch toán các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện theo đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện thu, chi các khoản thỏa thuận, tự nguyện tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Hằng năm, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu khác báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo và có trách nhiệm phê duyệt sau 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của các trường.

2. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã công khai các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh biết; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính Kế hoạch tổ chức thẩm định phê duyệt kế hoạch thu, chi của từng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quản lý và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện thu, chi của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện, thành phố.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập xây dựng dự toán thu, chi ứng với từng nội dung công việc, thống nhất trong Ban giám hiệu, tập thể hội đồng nhà trường về mức thu, mức chi, đối tượng thu và đối tượng hưởng lợi, hình thức tổ chức huy động đóng góp; Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể phụ huynh học sinh, lập biên bản có đầy đủ chữ ký thống nhất của các thành phần tham dự hội nghị; Lập hồ sơ trình Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) và Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo) phê duyệt để

tổ chức thực hiện; Hồ sơ gồm tờ trình của trường, biên bản họp phụ huynh học sinh (bản sao), dự toán thu chi từng nội dung thỏa thuận (có xác nhận của UBND xã đối với các trường mầm non, Tiểu học, THCS).

Khi được cơ quan cấp trên phê duyệt các cơ sở giáo dục trước khi thu phải công khai các khoản thu, mức thu, chi của từng khoản thu được duyệt trước tập thể Hội đồng nhà trường, Hội phụ huynh học sinh và tổ chức thông báo bằng văn bản gửi tới từng gia đình học sinh làm căn cứ quyết toán, kiểm tra và thanh tra.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. / *K*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *25*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



AD
Lê Anh Dương

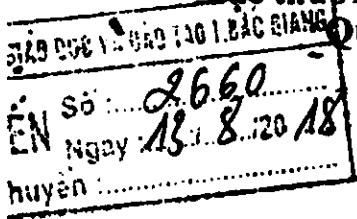
Số: 22 /2018/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo

Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 20/TTr-SGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế thực hiện công khai tài chính đối với nguồn quỹ có từ ngân sách nhà nước và có nguồn từ đóng góp của nhân dân; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.”

2. Thứ tự các điểm “1.1; 1.2; 1.3; 1.4” khoản 1 Điều 4 được sửa đổi tương ứng thành “a, b, c, d”.

Thứ tự các điểm “2.1; 2.2; 2.3; 2.4” khoản 2 Điều 4 được sửa đổi tương ứng thành “a, b, c, d”.

Thứ tự các điểm “3.1; 3.2; 3.3” khoản 3 Điều 4 được sửa đổi tương ứng tương ứng thành “a, b, c”.

3. Điểm 1.1 khoản 1 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Tiền ăn: Mức thu không quá 20.000 đồng/ngày/trẻ; thu theo tháng trên cơ sở số ngày trẻ thực ăn”.

4. Điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Thu tiền nước uống: Mức thu không quá 6.000 đồng/tháng/trẻ để mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ trẻ. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu để đủ chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

Tiền thuê nấu ăn: Mức thu không quá 80.000 đồng/tháng/trẻ.

Tiền chăm sóc trẻ bán trú (trông trẻ buổi trưa): Mức thu không quá 120.000 đồng/tháng/trẻ. Nguồn thu dùng để chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ 85%; chi bồi dưỡng người tham gia gián tiếp 15% (gồm cán bộ quản lý, kế toán, thủ quỹ, bảo vệ).

Tiền điện phục vụ trẻ ăn, nghỉ buổi trưa: Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo tháng (thu cùng tiền ăn).

Tiền vệ sinh: Mức thu không quá 12.000 đồng/tháng/trẻ, để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh”.

5. Điểm 1.3. khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản: xoong, nồi, bếp ga chi thu đối với trẻ mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Mức thu không quá 300.000 đồng/trẻ/năm học.

Các dụng cụ vật tư tiêu hao: xà phòng, rô, nước rửa bát, bàn chải, khăn mặt thu theo trẻ ăn bán trú và thu theo học kỳ. Mức thu không quá 75.000 đồng/trẻ/năm học.

Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho cha mẹ trẻ (vở tập tô chữ cái, vở làm quen với toán, vở tạo hình và các loại học liệu) thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp. Nếu nhà trường thu tiền mua cho học sinh thì mức thu không quá 300.000 đồng/trẻ/năm học.

6. Điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Tiền ăn học sinh bán trú: Mức thu không quá 20.000 đồng/ngày/học sinh; thu theo tháng trên cơ sở số ngày học sinh thực ăn”.

7. Điểm 2.2 khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“Tiền thuê người nấu ăn, tiền phục vụ chăm sóc học sinh bán trú (trông trưa), tiền điện phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: Thực hiện như đối với trường mầm non.

Tiền vệ sinh: Thu không quá 5.000 đồng/tháng/học sinh để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

Tiền nước uống: Thu không quá 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi cho việc mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết, thu để đủ chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống”.

8. Điểm 2.3 khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Các loại tài liệu học tập, thẻ học sinh, học bạ, sổ liên lạc: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, hình thức liên lạc giữa gia đình và nhà trường (Sổ liên lạc giấy, Sổ liên lạc điện tử) dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp. Nếu nhà trường thu tiền mua cho học sinh thẻ học sinh, học bạ, sổ liên lạc mức thu không quá 100.000 đồng/học sinh/năm học; tài liệu học tập thu theo giá bìa.

Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: xoong, nồi, bếp ga, tủ, chạn bát, chi thu đối với học sinh mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu (đối với học sinh bán trú). Mức thu không quá 300.000 đồng/học sinh/năm học.

Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao: xà phòng, rổ, nước rửa bát, bàn chải, khăn mặt thu theo học sinh ăn bán trú và thu theo học kỳ. Mức thu không quá 75.000 đồng/học sinh/năm học.

9. Điểm 3.1 khoản 3 Điều 4 được bổ sung nội dung sau:

“Tiền ăn học sinh bán trú: Mức thu không quá 20.000 đồng/ngày/học sinh; thu theo tháng trên cơ sở số ngày học sinh thực ăn.

Tiền thuê nấu ăn: Mức thu không quá 80.000 đồng/tháng/học sinh”

10. Điểm 3.2. khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Tài liệu học tập, thẻ học sinh, bì giấy kiểm tra, học bạ, sổ liên lạc: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, hình thức liên lạc giữa gia đình và nhà trường (Sổ liên lạc giấy, Sổ liên lạc điện tử), dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp. Nếu nhà trường thu tiền mua cho học sinh thẻ học sinh, bì giấy kiểm tra, học bạ, sổ liên lạc mức thu không quá 150.000 đồng/học sinh/năm học; tài liệu học tập thu theo giá bìa.

Luyện kỹ năng làm bài thi: Để nâng cao kỹ năng làm bài thi cho học sinh, các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổ chức thi thử cho học sinh (không quá 04 lần/năm học), mức thu không quá 15.000 đồng/môn/lần thi (tự luận) và không quá 8.000 đồng/môn/lần thi (trắc nghiệm) để chi ra đề, in đề, tổ chức coi, chấm, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm.

11. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau: “Trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn chế và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị dạy học, bản ghế phục vụ cho dạy và học, các cơ sở giáo dục xây dựng danh mục, dự toán chi tiết báo cáo UBND cấp xã; vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hỗ trợ; khoản vận động này ngoài kế hoạch huy động xây dựng cơ sở vật chất thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã đã được HĐND cùng cấp phê duyệt. Trường hợp phụ huynh học sinh tự nguyện đóng góp thì mức đóng không quá 200.000 đồng/học sinh/năm học, không bình quân mức đóng góp”.

12. Khoản 1, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: “Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định phê duyệt mức thu, chi của từng khoản thu đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trình tự, thủ tục thu, sử dụng, hạch toán các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện theo đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện thu, chi các khoản thỏa thuận, tự nguyện tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Hằng năm, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu khác báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo và có trách nhiệm phê duyệt sau 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của các trường.

13. Khoản 2, Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau: “UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện thu, chi của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã công khai các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh biết; Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định phê duyệt kế hoạch thu, chi của từng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn trước khi vào năm học mới, tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn quản lý. UBND cấp xã có ý kiến bằng văn bản đồng ý hoặc không đồng ý về các khoản thu theo tự nguyện của từng trường trước khi trình Phòng Giáo dục và Đào tạo. Nếu UBND cấp xã không đồng ý thì các cơ sở giáo dục không thực hiện”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Ug*

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp (b/c);
- Các bộ: GD&ĐT, Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các Đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng, các Ban HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TT thông tin;
- Lưu: VT, KGVX..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh
Nguyễn Văn Linh